

Bản tin

THỊ TRƯỜNG SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP

BAN CHỈ ĐẠO BỘ CÔNG THƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

SỐ 7 NĂM 2020

KỠ 1 THÁNG 4 NĂM 2020

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:



Cục Công Thương địa phương



Trung tâm Thông tin
Công nghiệp và Thương mại

Giấy phép xuất bản:
Số 47/GP-XBBT
Cấp ngày 20/8/2019

Ý kiến phản hồi đề nghị liên hệ:
Trung tâm Thông tin
Công nghiệp và Thương mại

Địa chỉ:
Tầng 6 - 655 Phạm Văn Đồng,
Bắc Từ Liêm - Hà Nội
Tel: (024) 37152585
Fax: (024) 37152574

MỤC LỤC

- 2 **TỔNG QUAN**
THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA
- 3 Thị trường nông, lâm, thủy sản từ ngày 1/4/2020 đến 15/4/2020
- 5 Cơ hội đẩy mạnh tiêu thụ hàng nông sản tại thị trường nội địa trước ảnh hưởng bởi dịch Covid-19
THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU
- 7 Xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản vẫn tăng trưởng trong quý I năm 2020
- 10 Xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sang thị trường Mỹ tăng trưởng khá cao trong quý I/2020
- 14 Xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sang châu Phi giảm trong quý I/2020
THÔNG TIN SẢN XUẤT - XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI
- 17 Sóc Trăng tăng cường xây dựng thương hiệu và tiêu thụ nông thủy sản
- 19 Thanh long ruột đỏ Việt Nam được đón nhận tại Australia
- 19 Bến Tre: Tăng liên kết, xúc tiến thương mại cho sản phẩm OCOP
- 20 Doanh nghiệp Đà Loan có nhu cầu mua ngô/đậu Hà Lan/đậu đũa
THÔNG TIN CHÍNH SÁCH - ĐẦU TƯ
- 21 Bộ Công Thương công bố hạn ngạch xuất khẩu gạo 400.000 tấn trong tháng 4/2020
- 22 Quy định nhập khẩu thực phẩm của EU trong mùa dịch Covid-19
THỊ TRƯỜNG NÔNG SẢN THẾ GIỚI
- 24 Đại dịch Covid-19 tác động tới hầu hết các mặt hàng nông sản
- 25 Nhu cầu nhập khẩu rau quả, thủy sản của Thụy Điển vẫn rất lớn
- 28 **TIN VẮN**

TỔNG QUAN

Tại thị trường trong nước, diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 trên thị trường thế giới cùng với việc thực hiện cách ly xã hội theo Chỉ thị số 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ tiếp tục tác động mạnh, khiến nhiều mặt hàng nông, thủy sản tiếp tục xu hướng giảm giá. So với đầu năm 2020, giá nhiều mặt hàng đã giảm trên 10%. Trong đó, giá cá tra nguyên liệu loại 1 tại Đồng Tháp đã giảm 11,9% so với đầu năm 2020 và giảm tới 42,2% so với đầu năm 2019, xuống còn 18.500 đồng/kg, trong bối cảnh một số doanh nghiệp tạm ngừng mua nguyên liệu vì đơn hàng giảm (bị hoãn, hủy, không có đơn hàng mới), kho lạnh để trữ hàng đã đầy.



Ở chiều ngược lại, gạo là một trong số ít những mặt hàng tăng giá so với đầu năm nay và đây cũng là mặt hàng tăng giá mạnh nhất so với đầu năm 2020. Tính đến giữa tháng 4/2020, giá gạo thành phẩm IR 504 tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long

đã tăng 29,3% so với đầu năm 2020 và tăng 27,6% so với đầu năm 2019, lên 9.700 đồng/kg.

Trong lĩnh vực xuất khẩu, theo số liệu của Tổng cục Hải quan, tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản trong quý I/2020 đạt 8,09 tỷ USD, tăng nhẹ 0,84% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn so với mức ước tính đạt 7,76 tỷ USD trước đó. Xét về thị trường xuất khẩu, trong khi xuất khẩu sang Trung Quốc và EU giảm, nhiều thị trường xuất khẩu quan trọng khác của nhóm nông, lâm, thủy sản như Mỹ, Nhật Bản và ASEAN đều tăng trưởng về kim ngạch. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu sang Mỹ chiếm tỷ trọng lớn nhất với 1,99 tỷ USD, tăng 17,6% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 24,5% trên tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này.

Trong quý II/2020, xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản sẽ đối mặt với nhiều khó khăn trước diễn biến khó lường của dịch Covid-19 trong bối cảnh kể từ giữa tháng 3/2020 đến nay, dịch bệnh đã ảnh hưởng rất nghiêm trọng đến một số thị trường xuất khẩu chính của nhóm mặt hàng này là Mỹ, EU hay Nhật Bản. Tuy nhiên, trong nửa cuối năm 2020, nếu dịch bệnh được kiểm soát tốt, thì đây sẽ là giai đoạn tăng tốc bất phá xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản nhờ nhu cầu trên thế giới sẽ tăng trở lại cộng với những lợi thế cạnh tranh khi Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) chính thức có hiệu lực.

Một số thông tin đáng chú ý:

▶ Trên thị trường thế giới, giá gạo 5% tấm của Thái Lan đã tăng lên 560 - 570 USD/tấn - mức cao nhất trong 7 năm sau khi Ấn Độ triển khai phong tỏa toàn quốc để kiểm chế sự lây lan của dịch Covid-19, còn Việt Nam tạm thời ngừng ký hợp đồng xuất khẩu mới từ cuối tháng 3 để rà soát lại nguồn cung.

▶ Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 1106/QĐ-BCT ngày 10 tháng 4 năm 2020 công bố hạn ngạch xuất khẩu gạo trong tháng 4 năm 2020. Theo đó hạn ngạch xuất khẩu đối với mặt hàng gạo (mã HS 10.06) trong tháng 4 năm 2020 là 400.000 tấn. Quyết định này có hiệu lực từ 0 giờ ngày 11 tháng 4 năm 2020.

THỊ TRƯỜNG NÔNG, LÂM, THỦY SẢN TỪ NGÀY 1/4/2020 ĐẾN 15/4/2020

Gía các mặt hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam trong kỳ từ ngày 1/4 đến 15/4/2020 có một số biến động so với nửa cuối tháng 3/2020.

+ Mặt hàng gạo: Tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, giá gạo nguyên liệu IR 504 tăng nhẹ 50 đ/kg trong nửa đầu tháng 4/2020, đạt 8.100 đ/kg; giá gạo thành phẩm IR 504 tiếp tục tăng 300 đ/kg, lên mức 9.700 đ/kg; tương tự, tấm gạo IR 504 và cám vàng tăng 200 – 250 đ/kg so với nửa cuối tháng 3/2020. Tính đến giữa tháng 4/2020, giá gạo nguyên liệu và gạo thành phẩm IR 504 đã tăng tới 22,7% và 29,3% (tương ứng 1.500 – 2.200 đ/kg) so với đầu tháng 1/2020.

Sau khi tạm hoãn xuất khẩu để cân đối nguồn cung nội địa trong bối cảnh dịch Covid-19 và hạn mặn diễn biến phức tạp. Thủ tướng Chính phủ đã đồng ý với kiến nghị của Bộ Công Thương về việc cho phép xuất khẩu 400.000 tấn gạo trong tháng 4/2020. Đồng thời yêu cầu các Bộ ngành liên quan báo cáo tình hình xuất khẩu gạo trong tháng 4 và đề xuất Thủ tướng Chính phủ phương án điều hành xuất khẩu gạo tháng 5 trước ngày 25/4/2020.

+ Mặt hàng hạt tiêu: Trong nửa đầu tháng 4/2020, giá hạt tiêu tại các tỉnh Tây Nguyên tăng nhẹ 2,7% so với nửa cuối tháng 3/2020, đạt 37.500 đ/kg. Tuy nhiên, so với đầu tháng 1/2020 giá cà phê đã giảm 10,7%. Trong bối cảnh đại dịch Covid-19 còn diễn biến phức tạp và đang tiếp tục lây lan trên toàn cầu, giá hạt tiêu trên thị trường thế giới có khả năng sẽ tiếp tục xu hướng giảm trong thời gian tới, khi phải chịu tác động kép từ đại dịch và áp lực dư cung.

+ Mặt hàng cà phê: Giá cà phê nhân xô tại các tỉnh Tây Nguyên trong hai tuần đầu tháng 4/2020 tiếp tục giảm xuống mức thấp nhất trong nhiều năm qua, với mức giảm 3,6% (giảm 1.100 đ/kg) so với nửa cuối tháng 3/2020, xuống chỉ còn 29.400 đ/kg. Thị trường khá ảm đạm do hoạt động giao dịch cà phê tại Việt Nam trong kỳ bị gián đoạn do thực hiện giãn cách xã hội trong 15 ngày để ngăn chặn sự lây lan của dịch Covid-19. Trong khi đó, nhu cầu cà phê thế giới giảm do tác động của dịch Covid-19.



- Mặt hàng điều: Thị trường nhân điều cũng có khá nhiều biến động trong nửa đầu tháng 4/2020. Tại Bình Phước, giá điều tươi thu mua đã giảm 400-500 đ/kg, xuống còn 14.000 – 15.500 đ/kg; trái lại giá điều khô tăng 1.000 – 2.000 đ/kg, đạt 27.000 đ/kg. Mặc dù giá nguyên liệu ở mức thấp nhưng doanh nghiệp chế biến điều cũng gặp không ít khó khăn do xuất khẩu bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 đang lan rộng trên toàn cầu, doanh nghiệp chế biến thận trọng trong tổ chức sản xuất. Hoạt động vận chuyển trên toàn cầu đang gặp khó khăn do các quy định phong tỏa, cách ly giữa các khu vực, đặc biệt là vấn đề cước vận chuyển. Đồng thời, các siêu thị, các nhà rang và nhập khẩu hạt điều

đang xem xét đánh giá tác động của Covid-19 lên nền kinh tế và ngành ngũ cốc để đưa ra chiến lược giao dịch tiếp theo. Ngay cả khi đại dịch được kiểm soát, nhu cầu cũng sẽ bị ảnh hưởng do kinh tế suy giảm, người tiêu dùng sẽ giảm nhu cầu đối với các thực phẩm không thiết yếu như hạt điều so với trước đây.

+ Mặt hàng thủy sản: Tại Đồng Tháp, giá cá tra nguyên liệu loại 1 tiếp tục giảm 300 đ/kg so với nửa cuối tháng 3/2020, xuống còn 18.500 đ/kg; tương tự giá tôm càng xanh loại 100 g/con cũng giảm 10.000 đ/kg. Theo Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam, hiện nay, giá tôm, cá tra nguyên liệu đều giảm vì người nuôi sợ giảm giá thu hoạch sớm, một số doanh nghiệp tạm ngừng mua nguyên liệu vì đơn hàng giảm (bị hoãn, hủy, không có đơn hàng mới), kho lạnh

để trữ hàng bị đầy và thiếu. Tình trạng này có thể dẫn đến thiếu nguyên liệu vào cuối năm, khi dịch bệnh hết, nhu cầu tăng lại nếu người nuôi hạn chế hoặc bỏ ao vì không trụ được ở giai đoạn này.

Tuy nhiên, giá hải sản tại Đà Nẵng trong nửa đầu tháng 4/2020 đã tăng trở lại, với mức tăng 28,6% đối với cá ngừ vằn, 50% đối với mực ống, 10% đối với tôm sú.

+ Mặt hàng cao su: Giá thu mua mủ cao su của Tổng Công ty cao su Đồng Nai trong nửa đầu tháng 4/2020 giảm từ 6% - 13% so với giữa tháng 3/2020. Trong đó, giá mủ cao su tại vườn có giá 28.500 đ/kg, giảm 6,3%; mủ chén dây khô có giá 10.500 đ/kg, giảm 8,7%. Giá cao su tiếp tục giảm do lo ngại tình hình dịch Covid-19 kéo dài làm suy giảm kinh tế toàn cầu, dẫn đến sự sụt giảm về nhu cầu cao su thế giới.

Tham khảo giá nông, lâm, thủy sản tại thị trường trong nước ngày 15/4/2020

Tên hàng	Ngày 15/4/2020 (đ/kg)	So với ngày 28/3/2020 (%)	So với đầu năm 2020 (%)	So với đầu năm 2019 (%)
Gạo NL IR 504	8.100	0,6	22,7	20,0
Gạo thành phẩm IR 504	9.700	3,2	29,3	27,6
Tấm gạo IR 504	7.400	2,8	15,6	14,7
Cám vàng	5.050	5,2	5,2	0,0
Cà phê nhân xô tại Tây Nguyên	29.400	-3,6	-8,4	-12,8
Giá nhân điều xô tại Bình Phước	27.000	8,0	-27,0	-20,6
Tiêu đen Tây Nguyên và Nam Bộ	37.500	2,7	-10,7	-26,5
Sắn lát trữ độ bột 30% tại miền trung Tây Nguyên	2.150	0,0	0,0	-23,2
Cá tra thịt trắng loại 1 tại Đồng Tháp	18.500	-1,6	-11,9	-42,2
Tôm càng xanh tại Đồng Tháp (100 g/con)	210.000	-4,5	-8,7	-19,2
Cá ngừ vằn tại Đà Nẵng	45.000	28,6	-35,7	0,0
Mực ống tại Đà Nẵng (17 - 24 cm/con)	120.000	50,0	-14,3	20,0
Tôm sú tại Đà Nẵng (25 - 30 con/kg)	220.000	10,0	-31,3	-18,5
Tôm chân trắng tại Đà Nẵng (60 con/kg)	110.000	0,0	-8,3	0,0
Giá thu mua cao su của Tổng Công ty cao su Đồng Nai				
Mủ nước tại vườn	28.500	-6,3	-12,0	
Mủ chén dây khô	10.500	-8,7	-16,0	
Mủ chén dây vừa	9.500	-9,5	-17,4	
Mủ đông khô	8.300	-10,8	-19,4	
Mủ đông vừa	6.700	-13,0	-23,0	
Mủ dây khô	9.900	-9,2	-16,8	
Mủ dây ướt	6.800	-12,8	-22,7	
Mủ tận thu	1.600	-44,8	-50,0	

Nguồn: Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại tổng hợp

CƠ HỘI ĐẨY MẠNH TIÊU THỤ HÀNG NÔNG SẢN TẠI THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA TRƯỚC ẢNH HƯỞNG BỞI DỊCH COVID-19



Trong bối cảnh dịch Covid-19 lan rộng ra toàn thế giới và vẫn đang có những diễn biến phức tạp, hoạt động xuất khẩu các mặt hàng nông sản của Việt Nam, đặc biệt là trái cây đã và đang gặp nhiều khó khăn, thách thức do một số thị trường tạm ngừng thông quan hoặc tăng cường kiểm dịch phòng chống Covid-19. Để kịp thời tháo gỡ khó khăn về tiêu thụ nông sản, các bộ, ngành đã phối hợp với các địa phương đưa ra nhiều giải pháp nhằm kết nối hỗ trợ thu mua, tiêu thụ nông sản tồn đọng do không thể xuất khẩu cho nông dân và doanh nghiệp; hướng dẫn một số địa phương đang trồng dưa hấu, thanh long chuyển sang cây trồng khác dễ tiêu thụ về ngắn hạn như: đậu tương, ngô, rau...phát huy tốt công tác thu mua cũng như chế biến để phục vụ nhu cầu tiêu thụ trong nước, đó là tăng cường thu mua những nhóm mặt hàng: rau, củ quả, thủy sản và khuyến khích các doanh nghiệp đẩy mạnh thu mua cung ứng sản phẩm đối với thị trường trong nước... Đây

cũng là thời điểm đặt ra cho nông sản Việt Nam những cơ hội mới tại thị trường nội địa khi việc tiêu thụ hàng hoá của người dân đã chuyển dịch nhiều từ hàng ngoại nhập sang nội địa do việc hạn chế đi lại nhằm tránh dịch bệnh lây lan khiến nhiều sản phẩm nhập khẩu không thể vào thị trường trong nước.

Với dân số hơn 96 triệu dân, Việt Nam là thị trường tiêu thụ nông sản rất tiềm năng. Trong thời gian qua, việc đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm ở thị trường nội địa cũng đã khẳng định hiệu quả rõ nét trong những thời điểm đầu ra xuất khẩu gặp khó khăn. Theo đó, trước tình hình giá nhiều loại nông sản trong nước bị sụt giảm mạnh do xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc gặp khó vì ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19, các địa phương đã đẩy mạnh các hoạt động "giải cứu" và tăng cường chế biến, tiêu thụ sản phẩm tại nội địa. Cùng với việc kịp thời tháo gỡ các khó khăn cho xuất khẩu đã góp phần quan trọng giúp giá nhiều loại trái cây

nhau chóng phục hồi trở lại. Theo nhiều hệ thống siêu thị, chỉ sau một thời gian đẩy mạnh giải cứu các loại trái cây như thanh long, dưa hấu...siêu thị đã không còn hàng để bán theo diện "giải cứu".

Tuy nhiên, phương án này chỉ mang tính tình thế. Thực tế cho thấy, không phải chỉ đến khi những ảnh hưởng của dịch Covid-19 mới dẫn đến ùn ứ, dư thừa hàng nông sản mà trong nhiều năm qua, việc "giải cứu" nông sản đã diễn ra ở nhiều nơi, nhiều thời điểm khác nhau khiến biện pháp giải quyết đầu ra cho nông sản thông qua "giải cứu" đã trở nên quen thuộc. Trong giai đoạn này, dịch Covid-19 chỉ là một trong những tác nhân tác động xấu đến ngành nông nghiệp. Nguyên nhân cơ bản dẫn đến việc ùn ứ nông sản, không tiêu thụ được là người sản xuất thiếu thông tin hoặc không được cung cấp thông tin kịp thời, thiếu định hướng trong quá trình sản xuất, dẫn đến tại nhiều địa phương, nông dân vẫn sản xuất hàng hóa theo phong trào mà không có chiến lược cụ thể, dẫn đến dư thừa và thường xuyên bị ép giá.

Bên cạnh đó, nhiều doanh nghiệp chưa chủ động được nguồn cung nguyên liệu đảm bảo về số lượng, chất lượng; khả năng chế biến đổi với một số ngành hàng còn yếu, chưa đáp ứng được nhu cầu, nhất là vào cao điểm mùa vụ như rau quả, gây tổn thất sau thu hoạch. Ngoài ra, trình độ công nghệ chế biến nhìn chung ở mức độ trung bình của thế giới; sản phẩm chế biến chủ yếu vẫn là sơ chế có giá trị gia tăng thấp, chiếm khoảng 70-85%.

Không chỉ còn hạn chế trong chế biến và bảo quản mà khâu phân phối, đưa sản phẩm đến tay nhiều người tiêu dùng cũng tồn tại bất cập, ảnh hưởng đến sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường. Đáng chú ý, giá nhiều loại nông sản, đặc biệt là trái cây được nông dân bán ra ở mức thấp nhưng khi sản phẩm đến tay người tiêu dùng thường cao hơn rất nhiều, vì qua nhiều khâu trung gian. Theo đó, việc quản lý chất lượng sản phẩm của nhiều loại nông sản từ nơi sản xuất đến nơi tiêu



thụ tại thị trường nội địa cũng chưa được chặt chẽ, để có thể truy xuất được nguồn gốc và đảm bảo chất lượng. Nông dân chỉ định hướng sản xuất nông sản để phục vụ xuất khẩu, chứ chưa quan tâm đúng mức đến việc đưa hàng vào bán tại siêu thị và các kênh bán hàng cấp cao ở nội địa. Điều này đã phần nào làm hạn chế đến việc tổ chức hệ thống phân phối và tiêu thụ sản phẩm, nhất là việc kết nối giữa nông dân với các doanh nghiệp trực tiếp tiêu thụ hàng ở nội địa. Do vậy, các cơ quan chức năng cùng cả cộng đồng doanh nghiệp và người nông dân sản xuất cần quan tâm khắc phục kịp thời các hạn chế trên.

Đại dịch Covid-19 vừa là thách thức vừa là cơ hội để ngành nông nghiệp nhận thức rõ hơn những hạn chế để khắc phục và có hướng đi mới cho sự phát triển trước mắt cũng như lâu dài. Thách thức vẫn đang ở phía trước, đòi hỏi nỗ lực chung của các địa phương cũng như các doanh nghiệp và Hiệp hội ngành hàng để biến thách thức thành cơ hội. Nhu cầu tiêu thụ ở thị trường nội địa hiện vẫn rất lớn. Tuy nhiên, để sản phẩm có sức cạnh tranh tốt trên thị trường, người nông dân cần liên kết phát triển sản xuất theo quy mô hàng hóa lớn, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật và quy trình đồng nhất để sản phẩm đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm và có chi phí thấp. Đồng thời, người nông dân cần gắn kết lâu dài với các doanh nghiệp thông qua các hợp đồng liên kết tiêu thụ với mức giá bán trái cây phù hợp để cả nông dân, doanh nghiệp và người tiêu dùng đều được hưởng lợi.

XUẤT KHẨU NHÓM NÔNG, LÂM, THỦY SẢN VẪN TĂNG TRƯỞNG TRONG QUÝ I NĂM 2020



Trong những tháng đầu năm 2020, mặc dù đối mặt với hàng loạt khó khăn trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, tuy nhiên xuất khẩu một số mặt hàng nông, lâm, thủy sản vẫn ghi nhận tốc độ tăng trưởng khá do các sản phẩm lương thực, thực phẩm luôn là nhóm hàng nhu yếu phẩm đóng vai trò thiết yếu và 2 tháng đầu năm 2020 dịch bệnh chưa bùng phát mạnh mẽ tại các nền kinh tế chủ chốt như Mỹ hay EU.

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, trong tháng 3/2020, kim ngạch xuất khẩu 10 mặt hàng chủ lực của nhóm nông, lâm, thủy sản (gồm thủy sản, rau quả, gạo, hạt tiêu, hạt điều, chè, cà phê, cao su, sắn và các sản phẩm từ sắn, gỗ và sản phẩm gỗ) đạt 3,15 tỷ USD, tăng 1,3% so với tháng 3/2019 và cao hơn so với mức ước tính 2,83 tỷ USD trước đó.

Với kết quả này, trong quý I năm 2020, tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản đạt 8,09 tỷ USD, tăng nhẹ 0,84% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, hầu hết kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng đều giảm, trừ gạo, hạt điều, sắn, gỗ và sản phẩm gỗ. Cụ thể: Xuất khẩu gạo đạt 1,52 triệu tấn (tăng 8,9%), trị giá 701 triệu USD (tăng 15,5%); xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ đạt 2,58 tỷ USD (tăng 13,9%); hạt điều đạt 667 triệu USD (tăng 4,4%); sắn và các sản phẩm từ sắn đạt 259 triệu USD (tăng 1,3%)... Ở chiều ngược lại, những mặt hàng giảm nhiều như: Cao su đạt 331 triệu USD (giảm 26,1%), chè đạt 39 triệu USD (giảm 16%), hạt tiêu đạt 176 triệu USD (giảm 6,9%), rau quả đạt 890 triệu USD (giảm 5,2%), thủy sản đạt 1,62 tỷ USD (giảm 9,7%)...

Theo đó, nếu như xuất khẩu mặt hàng gạo tăng do nhu cầu tích trữ lương thực tại nhiều nước trên thế giới tăng cao, thì việc xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tăng khá trong quý I là do xuất khẩu mặt hàng này chưa chịu sự tác động rõ rệt từ dịch Covid-19 và việc thực hiện các đơn hàng đi Mỹ hay EU trong giai đoạn này vẫn diễn ra bình thường. Tuy nhiên, kể từ nửa cuối tháng 3/2020, đại dịch Covid-19 bùng phát mạnh mẽ tại Mỹ và các nước châu Âu đã tác động rõ hơn đến hoạt động xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ. Trong tháng 3/2020, mặc dù xuất khẩu mặt hàng này sang thị trường Mỹ tăng 21,8% so với cùng kỳ năm trước, đạt 1,29 tỷ USD, nhưng tốc độ đã giảm so với mức tăng 34,7% trong tháng 3/2019. Ngoài ra, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường EU cũng giảm 19,4% xuống 49,6 triệu USD, trong đó xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới hầu hết các thị trường trong khối EU đều giảm mạnh.



Về thị trường xuất khẩu, trừ xuất khẩu sang Trung Quốc và EU giảm, nhiều thị trường xuất khẩu quan trọng khác của nhóm nông, lâm, thủy sản như Mỹ, Nhật Bản và ASEAN đều tăng trưởng. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của dịch Covid-19, xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sang các thị trường chính có sự thay đổi về tỷ trọng. Theo đó, kim ngạch xuất khẩu sang Mỹ chiếm tỷ trọng lớn nhất với 1,99 tỷ USD, tăng 17,6% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 24,5% trên tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này. Tiếp đến là Trung Quốc với 1,6 tỷ USD, giảm 10,2% và chiếm tỷ trọng 19,8%. Kim ngạch xuất khẩu sang thị



trường EU đạt 901,7 triệu USD, giảm 1,3% và chiếm tỷ trọng 11,1%. Xuất khẩu sang Nhật Bản đạt 739,7 triệu USD, tăng 5,9%, chiếm tỷ trọng 9,1%. Xuất khẩu sang các nước ASEAN đạt 751,7 triệu USD, tăng 13,3% và chiếm tỷ trọng 9,3%.

Trong quý II/2020, xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản sẽ đối mặt với nhiều khó khăn trước diễn biến khó lường của dịch Covid-19. Trong đó, xuất khẩu các mặt hàng thủy sản hay gỗ và sản phẩm gỗ sẽ chịu tác động rõ nét hơn trong bối cảnh kể từ giữa tháng 3/2020 đến nay, dịch bệnh đã ảnh hưởng rất nghiêm trọng đến các thị trường xuất khẩu chính của nhóm mặt hàng này là Mỹ, EU hay Nhật Bản, dẫn đến quyết định đóng cửa biên giới tại hàng loạt quốc gia. Xuất khẩu gạo cũng khó duy trì tốc độ tăng trưởng cao trước những biện pháp kiểm soát xuất khẩu chặt chẽ hơn của các cơ quan quản lý nhằm đảm bảo vấn đề an ninh lương thực quốc gia. Tuy nhiên, Trung Quốc đã bước đầu kiểm soát được dịch bệnh và đây là thị trường xuất khẩu hàng đầu đối với nhiều mặt hàng nông sản của Việt Nam. Do đó, đây được coi là giai đoạn quan trọng để Việt Nam thúc đẩy xuất khẩu nông, thủy sản sang Trung Quốc, đặc biệt là các mặt hàng thủy sản, rau quả... góp phần bù đắp sự sụt giảm kim ngạch xuất khẩu tới các thị trường khác.

Trong 6 tháng cuối năm 2020, nếu dịch bệnh được kiểm soát tốt, thì đây sẽ là giai đoạn tăng tốc bứt phá của nhóm hàng nông, lâm, thủy sản nhờ nhu cầu trên thế giới sẽ tăng trở lại cộng với những lợi thế cạnh tranh khi Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) chính thức có hiệu lực.

Thị trường xuất khẩu nông, lâm, thủy sản trong quý I năm 2020

Thị trường XK	Tháng 3/2020	So với tháng 3/2019	Quý I/2020	So với quý I/2019	Tỷ trọng
	(Nghìn USD)	(%)	(Nghìn USD)	(%)	(%)
Tổng	3.151.029	1,3	8.088.862	0,84	100,0
Mỹ	761.024	17,6	1.985.697	17,6	24,5
Trung Quốc	710.753	5,6	1.599.751	-10,2	19,8
EU	334.083	-1,9	901.660	-1,3	11,1
Đức	97.211	8,2	256.111	8,1	3,2
Hà Lan	75.267	30,3	173.709	2,1	2,1
Italia	35.983	-23,4	110.563	-11,8	1,4
Tây Ban Nha	32.912	-18,3	93.865	-10,8	1,2
Pháp	25.708	-29,8	84.835	-8,1	1,0
Bỉ	31.748	-4,9	83.591	-6,0	1,0
Ba Lan	12.070	47,6	32.590	49,5	0,4
Đan Mạch	6.515	6,6	18.197	2,1	0,2
Bồ Đào Nha	5.186	-33,5	17.006	-14,9	0,2
Thụy Điển	4.816	-20,0	14.411	3,8	0,2
Hy Lạp	4.507	-1,0	10.183	-11,7	0,1
Rumani	1.316	-21,4	3.880	-12,6	0,0
Cộng Hoà Séc	315	-66,1	1.299	-43,1	0,0
Hungary	348	375,3	1.051	-51,5	0,0
Áo	181	-8,8	369	-43,6	0,0
Asean	281.749	137	751.735	13,3	9,3
Philippin	126.771	-1,0	326.519	7,0	4,0
Malaysia	59.050	0,5	152.453	13,9	1,9
Thái Lan	51.083	12,4	150.873	28,1	1,9
Singapore	17.477	4,8	50.511	-1,3	0,6
Indonesia	11.680	9,2	28.257	15,0	0,3
Campuchia	9.993	219,6	24.272	204,0	0,3
Lào	5.517	-33,5	18.410	-14,7	0,2
Brunei	178	-75,4	440	-71,4	0,0
Nhật Bản	291.108	4,3	739.666	5,9	9,1
Hàn Quốc	162.506	-5,5	426.837	-5,3	5,3
Anh	60.979	-10,9	165.836	-13,3	2,1
Canada	53.524	27,8	136.970	19,2	1,7
Australia	44.609	-7,1	123.381	-2,6	1,5
Nga	36.233	-2,3	104.644	-0,7	1,3
Đài Loan	32.373	9,7	82.179	15,1	1,0
Ấn Độ	21.228	-38,9	60.890	-36,1	0,8
Hồng Kông	16.493	-26,0	53.890	-28,2	0,7
Irắc	3.058	-95,0	53.830	-18,5	0,7
Gana	27.088	83,1	52.253	68,2	0,6
UAE	19.092	-7,8	48.949	-1,5	0,6
Angiêri	16.095	34,3	35.776	15,9	0,4
Ả rập Xê út	16.709	37,6	34.993	40,2	0,4
Ai Cập	10.897	-32,7	27.745	-10,3	0,3
Ixraen	10.741	-18,5	26.885	-21,7	0,3
Pakixtan	5.843	-39,8	24.444	-10,2	0,3
Mexico	7.195	-47,9	23.638	-50,7	0,3
Braxin	3.295	-37,1	18.687	-16,2	0,2
Bờ Biển Ngà	6.228	-75,3	16.423	-70,7	0,2
Thổ Nhĩ Kỳ	6.658	30,4	15.666	16,1	0,2
Ukraina	5.870	47,8	15.235	37,6	0,2
New Zealand	4.247	-30,2	12.883	-16,7	0,2
Côlombia	2.504	-23,4	10.101	-10,4	0,1
Myanma	3.847	977,4	9.765	713,7	0,1
Mozambique	2.168	-13,4	9.008	74,2	0,1
Chilê	2.296	-39,7	7.377	-30,9	0,1
Thụy Sĩ	3.501	17,4	6.696	-16,1	0,1
Nam Phi	2.414	-16,0	5.611	-33,5	0,1
Na Uy	1.654	-17,4	5.070	-1,8	0,1
Pêru	982	4,6	4.120	42,0	0,1

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

XUẤT KHẨU NÔNG, LÂM, THỦY SẢN SANG THỊ TRƯỜNG MỸ TĂNG TRƯỞNG KHÁ CAO TRONG QUÝ I/2020

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, Mỹ tiếp tục là thị trường xuất khẩu nông, lâm, thủy sản lớn nhất của Việt Nam trong quý I/2020, với kim ngạch đạt gần 2 tỷ USD, tăng 17,6% so với cùng kỳ năm 2019.

Tính riêng trong tháng 3/2020, kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này của Việt Nam sang thị trường Mỹ đạt 761,02 triệu USD, tăng 27,8% so với tháng 2/2020 và tăng 17,6% so với tháng 3/2019.

Trong quý I/2020, gỗ và sản phẩm gỗ chiếm 65,4% tổng kim ngạch xuất khẩu

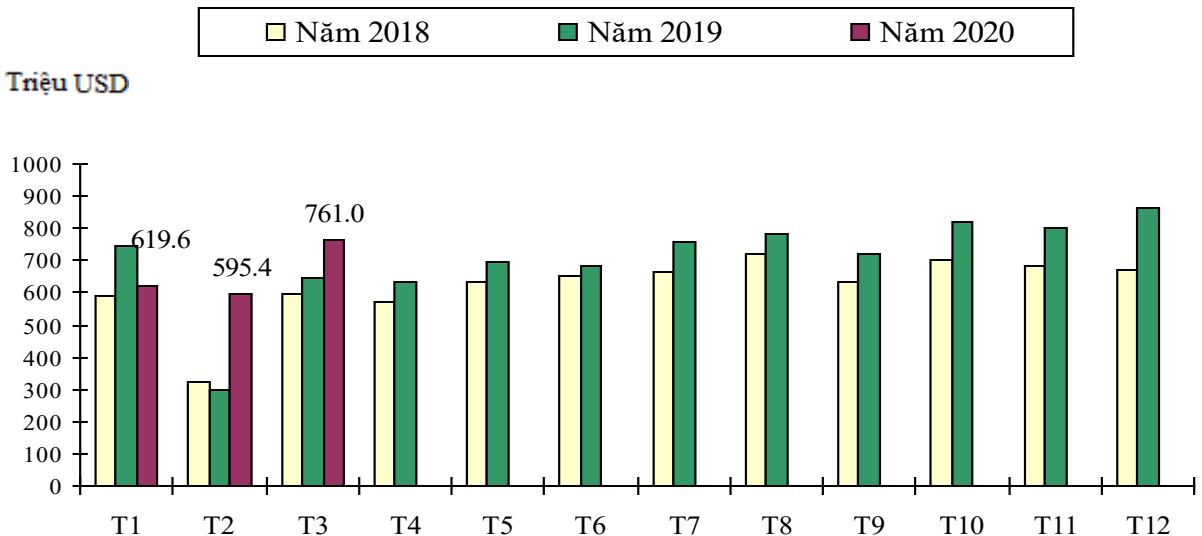
nhóm hàng nông, lâm, thủy sản xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Mỹ, đạt 1,3 tỷ USD, tăng mạnh 26% so với cùng kỳ năm 2019.

Ngoài ra, kim ngạch xuất khẩu hạt điều sang thị trường Mỹ cũng tăng mạnh 19,1%, hàng rau quả tăng 13,8%, gạo tăng 16,2%, chè tăng 28,8%, hàng thủy sản tăng 1,2%.

Ở chiều ngược lại, kim ngạch xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang thị trường Mỹ giảm 15,9% so với quý I/2019, hạt tiêu giảm 11,4%, cao su giảm 3,7%.



Kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam tới thị trường Mỹ năm 2018 - 2020



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Mỹ trong tháng 3 và quý I/2020

(ĐVT: Lượng: tấn; Trị giá: nghìn USD)

Tên hàng	Tháng 3/2020		So với tháng 2/2020 (%)		Quý I/2020		So với quý I/2019 (%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Tổng kim ngạch		761.024		27,8		1.985.697		17,6
Gỗ và sản phẩm gỗ		479.752		27,2		1.297.941		26,0
Hàng thủy sản		106.971		14,9		286.357		1,2
Hạt điều	16.575	118.723	65,4	63,4	34.545	245.266	36,5	19,1
Cà phê	11.513	22.800	-14,7	-2,3	38.649	70.743	-21,0	-15,9
Hàng rau quả		13.338		14,5		35.825		12,8
Hạt tiêu	6.040	14.471	24,7	20,0	13.824	35.120	0,1	-11,4
Cao su	2.018	2.930	-22,6	-24,4	6.597	9.600	-17,8	-3,7
Gạo	1.805	1.152	29,6	34,5	4.255	2.723	17,6	16,2
Chè	722	887	9,4	5,0	1.698	2.122	30,3	28,8

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Dự báo:

Sau khi tăng khá mạnh trong quý I/2020, xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Mỹ trong quý II/2020 dự báo sẽ có nhiều khó khăn do tác động của dịch Covid-19 đang bùng phát tại thị trường này.

Lần đầu tiên trong lịch sử, 50 bang của Mỹ và thủ đô Washington D.C được đặt dưới tình trạng thảm họa cùng lúc do ảnh hưởng của dịch Covid-19. Đồng thời, Mỹ cũng đứng đầu thế giới về số ca nhiễm cũng như số ca tử vong. Nhằm đối phó tác động của dịch bệnh, ngày 27/3/2020, Tổng thống Mỹ Donald Trump đã ký phê chuẩn dự luật kích thích kinh tế, trị giá 2.000 tỷ USD, đây là gói biện pháp khẩn cấp lớn nhất trong lịch sử Mỹ, theo đó hỗ trợ trực tiếp người dân, các doanh nghiệp nhỏ và ngành công nghiệp Mỹ chịu thiệt hại từ sự gián đoạn kinh tế do dịch bệnh.

Việc Mỹ đóng cửa biên giới, hạn chế đi lại, đóng cửa các nhà bán lẻ sẽ làm giảm nhu cầu hàng hóa không thiết yếu.

Đối với ngành gỗ, nhiều khách hàng từ Mỹ đã thông báo tạm thời chưa nhận hàng cho các đơn đã ký và chậm thanh toán tiền hàng; đồng thời, các đơn hàng

mới cần phải đợi qua mùa dịch mới có thể ký kết. Ngoài ra, ngành gỗ gặp khó khăn kép khi từ ngày 1/3/2020, Bộ Thương mại Mỹ chính thức tiếp nhận đơn khởi kiện của Liên minh Thương mại công bằng gỗ dán cứng Mỹ về điều tra chống lẩn tránh thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp sản phẩm đối với các mặt hàng ván dán và sản phẩm gỗ có sử dụng ván dán xuất khẩu từ Việt Nam.

Tương tự là mặt hàng thủy sản, đã có nhiều đơn hàng xuất khẩu tôm đi Mỹ bị tạm hoãn giao hàng hoặc hủy. Lượng tồn kho tại các công ty xuất khẩu và nhập khẩu đều lớn, kho lạnh đã đầy và không còn đủ sức chứa.





Xuất khẩu thủy sản sang thị trường Mỹ

Xuất khẩu thủy sản sang thị trường Mỹ tăng nhẹ trong quý I/2020 nhờ sản phẩm thủy sản của Việt Nam vẫn giữ được thị phần tại phân khúc bán lẻ. Nhu cầu tiêu thụ thủy sản của Mỹ nói chung giảm nhưng nhu cầu các sản phẩm tươi, sống, đóng hộp vẫn tăng. Trong tuần đầu tháng 3, doanh số bán lẻ thủy sản đóng hộp tại Mỹ tăng 10% so với cùng kỳ năm ngoái trong bối cảnh dịch Covid-19 lan rộng tại Mỹ.

Xuất khẩu tôm Việt Nam sang Mỹ từ tháng 1 đến nửa đầu tháng 3 năm nay chưa bị ảnh hưởng nhiều do thời điểm này dịch bệnh chưa bùng phát mạnh ở Mỹ. Nhưng dịch Covid-19 lây lan rộng ở Mỹ bắt đầu từ giữa tháng 3/2020 khiến

hoạt động nhập khẩu hàng hóa trong đó có tôm vào thị trường này bị gián đoạn do các biện pháp kiểm soát dịch bệnh của Chính phủ Mỹ. Tuy nhiên, nhu cầu tiêu thụ tôm ở phân khúc bán lẻ tại Mỹ vẫn tăng để phục vụ nhu cầu thiết yếu của người dân. Doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường nên tập trung vào các sản phẩm chế biến, giá trị gia tăng như tôm để bóc vỏ EZ... để phù hợp với nhu cầu tiêu dùng của phân khúc này.

Với kịch bản tích cực nhất, nếu hết quý II/2020, dịch Covid-19 ở Mỹ được khống chế, kết quả cuối cùng thuế chống bán phá giá giai đoạn POR14 vẫn khả quan như POR13 thì xuất khẩu tôm Việt Nam sang Mỹ dự báo tăng trở lại trong nửa sau của năm 2020.

Tham khảo một số chủng loại thủy sản xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Mỹ trong 2 tháng đầu năm 2020

Chủng loại	2 tháng đầu năm 2020			So với 2 tháng năm 2019 (%)		
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Giá XKBQ (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá XKBQ
Cá tra, basa	12.768	38.681	3.030	15,6	-27,0	-36,8
Tôm các loại	6.869	73.869	10.754	14,8	21,9	6,2
Cá ngừ các loại	5.078	38.456	7.573	-8,4	-1,0	8,0
Cá đông lạnh	2.368	14.377	6.071	1,6	10,6	8,8
Cá đóng hộp	544	1.653	3.037	29,9	35,3	4,2
Nghêu các loại	408	931	2.284	87,2	88,0	0,4
Ghẹ các loại	291	3.495	12.013	-4,9	-39,9	-36,7
Bạch tuộc các loại	216	930	4.313	-21,1	-33,3	-15,5
Mắm	187	423	2.262	29,5	-36,1	-50,7
Surimi	132	735	5.588	273,7	275,8	0,6
Cua các loại	121	2.594	21.364	225,6	203,8	-6,7
Mực các loại	116	941	8.103	82,8	64,9	-9,8
Ốc các loại	110	324	2.940	429,8	164,0	-50,2
Sò các loại	38	124	3.241	339,6	83,7	-58,2
Cá khô	38	346	9.214	-17,5	-5,5	14,5

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Rau quả:

Trong 2 tháng đầu năm 2020, 55% tổng kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường Mỹ là trái cây và 35,1% là các sản phẩm chế biến, rau củ chiếm 7,6%.

Trong đó, thanh long là trái cây được xuất khẩu nhiều nhất sang thị trường Mỹ trong 2 tháng đầu năm 2020 với kim ngạch đạt 6,42 triệu USD, giảm 4,3% so với cùng kỳ năm 2019.

Ngược lại, kim ngạch xuất khẩu nhãn sang thị trường này tăng mạnh 67,1%, xoài tăng tới 564,8%, dứa tăng 92,3%...



Tham khảo một số chủng loại rau hoa quả xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Mỹ trong 2 tháng đầu năm 2020

Tên hàng	2 tháng năm 2020 (nghìn USD)	So với 2 tháng năm 2019 (%)
Thanh long	6.424	-4,3
Nhãn	1.818	67,1
Xoài	1.685	564,8
Ngô	1.038	6,7
Dừa	856	-6,7
Dứa	817	92,3
Lá nho	812	745,4
Vú sữa	719	48,7
Nấm mỡ	631	187,7
Mãng cầu	620	14,4
Chanh leo	599	170,5
Nấm rơm	503	-52,1
Trái cây	493	370,0
ớt	476	92,9
Cơm dừa	472	35,9
Sầu riêng	418	133,6
Hạt dẻ cười	319	
Hạt điều	311	79,2
Macadamia	296	
loại khác	283	236,4
Chuối	242	292,8
Mít	199	101,1
Sả	185	-8,8
Gừng	181	173,6
Dừa chuột	168	-64,3
Tỏi	168	86,2

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

XUẤT KHẨU NÔNG, LÂM, THỦY SẢN SANG CHÂU PHI GIẢM TRONG QUÝ I/2020



Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang các thị trường thuộc châu Phi trong quý I/2020 đã giảm 10,1% so với cùng kỳ năm 2019, đạt 153,15 triệu USD. Hiện châu lục này cũng đang chịu những tác động nghiêm trọng bởi Covid-19, khiến hoạt động xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sang châu Phi gặp nhiều khó khăn do chi phí giao dịch cao hơn và nhu cầu tiêu thụ trong khu vực giảm.

Gạo vẫn là mặt hàng được xuất khẩu nhiều nhất sang thị trường này trong quý I/2020, với khối lượng đạt 173,74 nghìn tấn, trị giá 82 triệu USD, giảm 18,2% về lượng và 16,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019.

Tương tự, kim ngạch xuất khẩu hàng thủy sản, gỗ và sản phẩm gỗ, hàng rau quả sang thị trường châu Phi cũng giảm từ 24% - 60,7% so với quý I/2019.

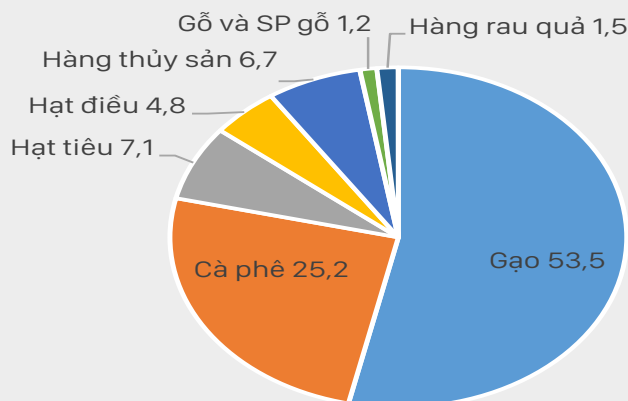
Ngược lại, kim ngạch xuất khẩu cà phê, hạt tiêu và hạt điều sang thị trường châu Phi tăng lần lượt là 13,3%, 19,5% và 7,2%.

Xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường khu vực châu Phi trong quý I/2020

Tên hàng	Quý I/2020		So với quý I/2019 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Gạo	173.743	81.995	-18,2	-16,9
Cà phê	24.933	38.655	18,6	13,3
Hạt tiêu	5.507	10.835	46,0	19,5
Hàng thủy sản		10.187		-23,9
Hạt điều	951	7.368	14,6	7,2
Hàng rau quả		2.236		-60,7
Gỗ và sản phẩm gỗ		1.874		-25,5
Tổng kim ngạch		153.150		-10,1

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Cơ cấu mặt hàng nông, lâm, thủy sản xuất khẩu của Việt Nam sang châu Phi trong quý I/2020 (%)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Tại khu vực châu Phi, Gana đang là thị trường xuất khẩu nông, lâm, thủy sản lớn nhất của Việt Nam trong quý I/2020, đạt kim ngạch 52,25 triệu USD, tăng 68,2% so với cùng kỳ năm 2019.

Đứng thứ hai là Angiêri với kim ngạch đạt 35,78 triệu USD, tăng 15,9% so với

cùng kỳ năm 2019.

Trong khi đó, kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sang một số thị trường khác giảm khá mạnh so với quý I/2019 như: Ai Cập giảm 10,3%, Bờ Biển Ngà giảm 70,7%, Nam Phi giảm 33,5%.

Kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang một số thị trường chính tại khu vực châu Phi trong quý I/2020

Thị trường	Quý I/2020 (nghìn USD)	So với quý I/2019 (%)	Thị phần quý I/2020 (%)	Thị phần quý I/2019 (%)
Gana	52.253	68,2	34,1	18,2
Angiêri	35.776	15,9	23,4	18,1
Ai Cập	27.745	-10,3	18,1	18,2
Bờ Biển Ngà	16.423	-70,7	10,7	32,9
Mozambique	9.008	74,2	5,9	3,0
Nam Phi	5.611	-33,5	3,7	5,0
Xê-nê-gan	3.193	1,3	2,1	1,8
Tanzania	2.010	-7,2	1,3	1,3
Angôla	1.131	-55,9	0,7	1,5

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Xuất khẩu gạo sang thị trường châu Phi

Trong quý I/2020, xuất khẩu gạo của Việt Nam sang Gana tăng mạnh 71,8% về lượng và 68,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019, đạt 106,87 nghìn tấn, trị giá 52,25 triệu USD. Gana đã vượt qua Bờ Biển Ngà về thị trường tiêu thụ gạo lớn nhất của Việt Nam tại châu Phi trong quý I vừa qua. Chủng loại gạo xuất khẩu sang thị trường Gana phần lớn là gạo thơm, chiếm tỷ trọng khoảng 80% tổng khối lượng gạo

xuất khẩu sang thị trường này.

Tiếp đến, lượng gạo xuất khẩu sang thị trường Bờ Biển Ngà đạt 39,7 nghìn tấn, giảm 68% so với cùng kỳ năm 2019. Bờ Biển Ngà là một trong những thị trường xuất khẩu gạo hàng đầu của Việt Nam tại châu Phi từ nhiều năm nay. Năm 2019, xuất khẩu gạo của Việt Nam sang Bờ Biển Ngà tăng 111% về lượng và 61,3% về trị giá so với năm 2018; chủng loại gạo xuất khẩu chủ yếu là gạo trắng và gạo tằm. Bờ

Biển Ngà hiện là thị trường xuất khẩu gạo lớn thứ hai của Việt Nam trên thế giới, chỉ sau Philippin.

Gạo Việt Nam được đánh giá cao và đáp ứng được thị hiếu của người dân nước này. Ngoài việc nhập khẩu gạo để phục vụ tiêu dùng trong nước, nhờ vị trí địa lý trung tâm trong khu vực Tây Phi, Bờ Biển Ngà còn tái xuất sang các nước láng giềng.

Hiện nay, Chính phủ Bờ Biển Ngà đang cố gắng đa dạng hóa các lĩnh vực nông nghiệp và đặt mục tiêu tự túc lúa gạo trong những năm tới. Tuy nhiên, việc sản xuất lúa còn gặp nhiều khó khăn như thiếu nước tưới, thiếu máy móc, trang thiết bị phục vụ cho việc thu hoạch, sản xuất và vận chuyển. Nhìn chung, gạo sản xuất nội địa chưa đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ trong nước và ít được ưa chuộng. Với tỷ lệ đô thị hóa và dân số tăng nhanh, lực lượng lao động châu Á đến Bờ Biển Ngà ngày càng nhiều, dự kiến gạo sẽ tiếp tục là mặt hàng xuất khẩu chủ lực của

Việt Nam sang thị trường này trong thời gian tới.

Theo Thương vụ Việt Nam tại Algeria - Bộ Công Thương, dự báo năm 2020, nhu cầu nhập khẩu gạo của Xênegan nói riêng và châu Phi nói chung vẫn ở mức cao, do tháng hai vừa qua, đại dịch châu chấu bùng phát ở Đông Phi phá hoại mùa màng, cùng với dịch Covid-19 bùng phát dẫn đến tâm lý người dân tăng cường tích trữ lương thực, thực phẩm trong đó có gạo.

Đây là cơ hội để Việt Nam đẩy mạnh xuất khẩu gạo sang thị trường Xênegan và châu Phi trong năm 2020, bởi theo Bộ Nông nghiệp Mỹ, nhu cầu gạo của châu Phi năm 2020 ước khoảng 15,7 triệu tấn, trong đó Xênegan có thể phải nhập khẩu 1,3 triệu tấn.

Tuy nhiên, trên thị trường này, gạo Việt Nam phải cạnh tranh với gạo của Ấn Độ, Pakistan, Thái Lan, Trung Quốc, Braxin, Achentina, Mỹ, Malaysia và Campuchia.

Xuất khẩu gạo của Việt Nam sang một số thị trường chính tại khu vực châu Phi trong quý I/2020

Thị trường	Quý I/2020		So với quý I/2019 (%)	
	Lượng (tấn)	Tri giá (nghìn USD)	Lượng	Tri giá
Gana	106.869	52.253	71,8	68,2
Bờ Biển Ngà	39.709	16.423	-68,0	-70,7
Mozambique	18.681	9.008	67,6	74,2
Tanzania	3.836	2.010	-6,9	-7,2
Angôla	2.021	924	-67,4	-58,7
Nam Phi	1.346	705	6,5	5,1
Xênegan	1.203	623	103,6	107,8
Angiêri	78	48	-97,0	-95,5

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Tham khảo chủng loại gạo xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Gana trong 2 tháng đầu năm 2020

Chủng loại	2 tháng năm 2020			So với 2 tháng năm 2019 (%)		
	Lượng (tấn)	Tri giá (nghìn USD)	Giá XK BQ (USD/tấn)	Lượng	Tri giá	Giá XK BQ
Gạo thơm	39.892	20.352	510	61,3	63,7	1,5
5% tấm	34.752	18.191	523	64,9	71,7	4,1
100% tấm	2.963	1.141	385			
loại khác	2.177	1.020	468	-31,0	-36,1	-7,4
Gạo trắng	10.471	4.915	469	46,0	28,2	-12,2
5% tấm	7.070	3.658	517	4,1	-0,1	-4,1
100% tấm	3.401	1.257	369	1.239,0	999,5	-17,9

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

SÓC TRĂNG TĂNG CƯỜNG XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU VÀ TIÊU THỤ NÔNG THỦY SẢN

Sóc Trăng là tỉnh thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long, với nhiều sản phẩm có thể mạnh như thủy sản, nông sản, trái cây, thực phẩm chế biến. Trong đó, có một số sản phẩm đặc trưng của tỉnh, tạo nên thương hiệu cho địa phương như: Gạo ST, hành tím Vĩnh Châu, bánh pía, lạp xường, trà măng cầu, bưởi da xanh, xoài cát chu, cam sành, cam xoàn... được chế biến và trồng theo các tiêu chuẩn như HACCP, ISO, VietGap, GlobalGap... Toàn tỉnh Sóc Trăng cũng có 106 nhà lưới, nhà màng sản xuất rau củ quả theo tiêu chuẩn VietGAP; 20,95 ha rau an toàn; hơn 14 ha hành tím tại tổ hợp tác rau màu phường 2, thị xã Vĩnh Châu được cấp giấy chứng nhận VietGAP.



Năm 2019, kim ngạch xuất khẩu của tỉnh đạt 845 triệu USD, đạt 103,1% kế hoạch, tăng 10,3% so với năm 2018, so với mức tăng năm 2018 là 4,24%, chủ yếu do xuất khẩu mặt hàng thủy sản tăng khoảng 11%, tương đương 65 triệu USD; gạo tăng trên 18%, tương đương 13 triệu USD; rau củ quả tăng gần 24%, tương đương 2 triệu USD. Thị trường xuất khẩu chính là Trung Quốc, Mỹ, Nhật Bản, EU, Hàn Quốc, Singapore...

Là một trong những tỉnh trọng điểm sản xuất nông nghiệp của vùng Đồng

bằng sông Cửu Long và cả nước, những năm gần đây, Sóc Trăng đã tích cực cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất thân thiện với môi trường, nâng cao giá trị gia tăng để phát triển bền vững.

Sau hơn 5 năm thực hiện đề án về cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, nhất là trong điều kiện biến đổi khí hậu và đáp ứng nhu cầu thị trường, đời sống nông dân từng bước cải thiện, nâng cao. Trong sản xuất nông nghiệp, lúa là cây chủ lực của Sóc Trăng, với diện tích gieo trồng hàng năm hơn 350.000 ha. Đến nay, tỉnh đã chuyển 50,6% diện tích canh tác (tương đương 177.088 ha) từ các giống lúa thường, kém chất lượng sang các giống lúa đặc sản, lúa thơm. Năm 2019, tổng sản lượng lúa đạt 2,17 triệu tấn, vượt 8,6% kế hoạch đề ra, tăng 1,9% so với năm 2018; trong đó, sản lượng lúa đặc sản đạt 1,07 triệu tấn, tăng 21,9%; Phát triển được 423 ha lúa sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ, tăng 194 ha so với năm 2018.

Trong quá trình cơ cấu lại ngành nông nghiệp, Sóc Trăng chú trọng đẩy mạnh cải tạo vườn tạp chuyển sang trồng các loại cây ăn quả có giá trị kinh tế cao. Hơn 36.400 ha trồng các loại cây ăn trái có giá trị kinh tế cao đang phát triển khá ổn định, đem lại nguồn thu nhập khá cho nhà vườn với nhiều sản phẩm đã và đang được xây dựng thương hiệu. Cụ thể, có 265,8 ha sản xuất theo mô hình VietGAP trên các loại cây trồng như: Cam sành, cam xoàn 97,5 ha; nhãn tiêu da bò 47,5 ha; măng cầu gai 34,3 ha; xoài cát chu 42,3 ha; bưởi da xanh 11,5 ha; vú sữa 32,7 ha... Tỉnh vừa có thêm 105 ha được chứng nhận VietGAP trên cây nhãn, bưởi, vú sữa ở hai huyện Cù Lao Dung và Kế Sách. Để

thực hiện đề án chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP), Sóc Trăng có đến 145 sản phẩm OCOP tiềm năng, trong đó có 16 sản phẩm được xếp hạng 4 sao, 23 sản phẩm được xếp hạng 3 sao.

Từ một tỉnh có nền sản xuất nông nghiệp lạc hậu, đến nay, trên địa bàn tỉnh phát triển nhiều mô hình với hàng nghìn ha theo tiêu chuẩn VietGAP và hữu cơ. Đáng chú ý là trong năm 2019, gạo thơm ST25 của Sóc Trăng đã được công nhận là “Gạo ngon nhất thế giới năm 2019” tại Hội nghị Thương mại gạo thế giới lần thứ 11 tổ chức tại Manila, Philipin. Giống lúa thơm ST hữu cơ được trồng trên ao tôm ở Sóc Trăng đã và đang phát huy thương hiệu “Gạo ngon nhất thế giới” với những ưu thế như dễ canh tác, ngắn ngày và phù hợp với thổ nhưỡng ven biển riêng có ở nước ta. Hiện gạo thơm ST tại Sóc Trăng đã đạt chứng nhận hữu cơ quốc tế theo tiêu chuẩn USDA tại Mỹ và châu Âu, không chỉ phù hợp sức khỏe người tiêu dùng và bảo vệ môi trường mà còn là cây trồng thích ứng.

Bên cạnh đó, trái cây Sóc Trăng ngon và được sản xuất theo một quy trình an toàn, có thể truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Đến cuối năm 2019, Sóc Trăng có 370,6 ha cây ăn trái đạt chứng nhận an toàn VietGAP trong tổng 28.141 ha cây ăn trái của tỉnh. Toàn tỉnh có 10 vùng trồng được cấp 36 mã code trên diện tích 320 ha cho vú sữa, xoài, nhãn, bưởi. Năm 2019, bưởi Da xanh được trồng tại huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đã giành giải nhất Hội thi Trái ngon – An toàn Nam bộ lần thứ 11 được tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh.



Với những điều kiện thuận lợi về lượng và chất, xuất khẩu trái cây của Sóc Trăng tăng mạnh trong 2 năm qua. Từ năm 2018, các Hợp tác xã trồng cây ăn trái của tỉnh đã liên kết với 2 công ty xuất khẩu trái cây sang thị trường Mỹ gần 33 tấn vú sữa tím. Trong năm 2019, số doanh nghiệp liên kết xuất khẩu đã tăng thêm 01 đơn vị với tổng sản lượng xuất hiện nay là 85 tấn, trong đó có 61 tấn bưởi xuất khẩu qua thị trường Châu Âu như Pháp, Đức, Ba Lan và Hà Lan và 24 tấn vú sữa xuất khẩu sang thị trường Mỹ. Mùa bưởi và vú sữa ở Sóc Trăng hiện đang trong giai đoạn thu hoạch chính vụ nên sản lượng xuất khẩu sẽ tiếp tục tăng. Bên cạnh vú sữa và bưởi, Sóc Trăng dự kiến xuất khẩu thêm nhãn và xoài trong năm nay.

Thời gian tới, tỉnh sẽ tiếp tục chuyển đổi mạnh cơ cấu kinh tế, tập trung phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, thích ứng biến đổi khí hậu. Đáng chú ý là chú trọng phát triển nuôi trồng thủy sản liên kết với ngành công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị. Phát triển du lịch sinh thái gắn với các mô hình nông nghiệp sạch, thông minh, nông nghiệp sinh thái. Tăng cường liên kết sản xuất, mời gọi đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn nhằm nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới.

THANH LONG RUỘT ĐỎ VIỆT NAM ĐƯỢC ĐÓN NHẬN TẠI AUSTRALIA

Trong tuần đầu tháng 4/2020, tuần lễ quảng bá và tiêu thụ thanh long ruột đỏ của Việt Nam đã diễn ra sôi nổi và hiệu quả tại ba bang đông dân nhất của Australia là New South Wales, Victoria và Tây Australia.

Với sự phối hợp giữa Thương vụ Việt Nam và Công ty Xuất khẩu Đà Lạt tại Australia, 5 tấn thanh long ruột đỏ của Việt Nam đã ra mắt thị trường Australia trong các ngày từ 2 - 8/4/2020 và được người tiêu dùng nhiệt tình đón nhận.

Tại bang Victoria, Công ty Xuất khẩu Đà Lạt là đơn vị chịu trách nhiệm nhập và phân phối thanh long tới các siêu thị và cửa hàng. Bên cạnh đó, Hiệp hội Doanh nhân Việt Nam tại Australia (VBAA) cũng góp phần hỗ trợ kêu gọi hội viên cùng chung tay mua và quảng bá sản phẩm.

Tại bang New South Wales, thanh long được đưa vào các chợ đầu mối trái cây lớn nhất bang, từ đó bán cho các siêu thị và cửa hàng thực phẩm. Chung tay trong hoạt động tại đây là Hiệp hội Doanh nhân

Việt Nam tại Sydney (VEAS). Lãnh đạo của VEAS đã kêu gọi hội viên tham gia mua và quảng bá sản phẩm, đồng thời, đứng ra lập danh sách, hỗ trợ địa điểm tiếp nhận hàng, tạo thuận lợi cho hội viên.

Tại bang Tây Australia, những lô hàng thanh long ruột đỏ Việt Nam được vận chuyển hơn 3.000 km từ bang Victoria, cũng đã được đón nhận và phân phối hết.

Hiện Thương vụ Việt Nam tại Australia đang vận động để xây dựng Diễn đàn các nhà nhập khẩu nông sản Việt Nam tại Australia, nhằm thống nhất các kế hoạch hành động, chủ động đối phó với tình hình thương mại thế giới có nhiều rủi ro, nhất là mặt hàng nông sản tươi.

Việc quảng bá, mở rộng và xây dựng thương hiệu thanh long ruột đỏ của Việt Nam đồng loạt tại các bang lớn của Australia là cơ hội để tạo điều kiện hơn nữa cho mặt hàng thế mạnh này có chỗ đứng bền vững tại một trong những thị trường khó tính nhất thế giới

BẾN TRE: TĂNG LIÊN KẾT, XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI CHO SẢN PHẨM OCOP

Năm 2020, tỉnh Bến Tre đã trao chứng nhận OCOP cho 37 sản phẩm, trong đó, nhiều sản phẩm nông sản được chứng nhận OCOP 3 sao, 4 sao. Để giải quyết đầu ra cho các sản phẩm đặc sản địa phương này, Sở Công Thương Bến Tre đang đẩy mạnh việc xây dựng cửa hàng nhằm liên kết, tiêu thụ sản phẩm.

Dừa xiêm xanh, bưởi da xanh, chôm chôm...là những sản phẩm có nhiều tiềm năng phát triển của tỉnh. Cùng với đó, tỉnh cũng có nhiều cơ sở sản xuất, chế biến sản phẩm từ dừa, các loại trái cây, đồ thủ công mỹ nghệ. Hiện nay, nhiều sản phẩm

của tỉnh đã đạt chứng nhận OCOP từ 3- 4 sao như đu đủ sấy dẻo, xoài sấy dẻo, bưởi da xanh và sản phẩm dừa tươi.

Năm 2019, Sở Công Thương Bến Tre đã phối hợp với Vụ Thị trường trong nước (Bộ Công Thương) công bố điểm giới thiệu, bán sản phẩm OCOP trên tuyến quốc lộ 60, địa bàn huyện Châu Thành. Trong năm 2020, Sở Công Thương sẽ tiếp tục hỗ trợ xây dựng các cửa hàng bán sản phẩm OCOP, đặc sản tỉnh; đồng thời tích cực tham dự các hội chợ, sự kiện để tăng cường kênh xúc tiến thương mại, quảng bá cho doanh nghiệp địa phương.

GIAO THƯƠNG

DOANH NGHIỆP ĐÀI LOAN CÓ NHU CẦU MUA NGÔ/ĐẬU HÀ LAN/ ĐẬU ĐỪA

Công ty United Victory Đài Loan - công ty con của Tập đoàn TOKAI DENPUN có nhu cầu mua ngô đông lạnh, đậu Hà Lan và đậu đũa.

Theo đó mã HS của sản phẩm là: 07108090906 (Other vegetables, frozen). Yêu cầu chi tiết về chủng loại, quy cách như sau:

Sản phẩm cần mua: Ngô đông lạnh; Đậu Hà Lan (Kích thước hạt đậu: min 0.8-1cm; Đậu đũa (được cắt đoạn với độ dài từ 3-5 cm).

Quy cách đóng gói: 03 cách, có thể dùng cho cả 3 loại: 15kg/thùng carton; 10kg/thùng carton; 1kg/bao và 10 bao/thùng carton

Yêu cầu về kiểm dịch: Phù hợp với tiêu chuẩn của thị trường Đài Loan

Số lượng dự kiến: Ngô: Từ 2-3 cont; Đậu Hà Lan: Từ 4-6 cont; Đậu đũa: Từ 2-3 cont;

Doanh nghiệp Việt Nam có khả năng cung ứng nhóm sản phẩm trên liên hệ:

Mr. HUANG Pohsun

United Victory Trading Co.,Ltd

Add: Số 3F-1, No 100 Nanjing E.road Taipei 104 Taiwan.
TEL: +886-7-224-2960 FAX: +886-7-224-2921

Hoặc: Thương vụ Văn phòng Kinh tế Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc (Vietnam Economic Cultural Office in Taipei- Comercial Division)

Add: 3F. - 1, No.101 Songjiang Road, Zhongshan District, Taipei 10486, Taiwan.

Tel: +886 -2- 25036840

Fax: +886 -2- 25036842

Email: tw@moit.gov.vn

SINGAPORE CẦN NHẬP KHẨU MỘT SỐ SẢN PHẨM RAU CỦ QUẢ, ĐỒ KHÔ VÀ ĐỒ HỘP

Hiện nay Chính phủ và các doanh nghiệp Singapore đang có nhu cầu nhập khẩu một số mặt hàng lương thực, thực phẩm, rau củ quả trong thời gian sớm nhất. Chi tiết danh sách các mặt hàng như sau:

Rau củ: Bắp cải, cà tím dài, khoai tây, hành tây, tỏi; Đậu sampa (lady finger), khoai lang, ớt; Trái cây: Dứa, dưa hấu, đu đủ, thanh long, ổi; Đồ hộp: Thịt lợn xay (luncheon meat), Đậu (baked beans), Thịt lợn đóng hộp, Thịt gà đóng hộp; Đồ khô: Miến khô (vermicilli), Phở khô, Mì ăn liền.

Các doanh nghiệp có sẵn những mặt hàng trên có nhu cầu xuất khẩu, vui lòng liên hệ Thương vụ Việt Nam tại Singapore tại email: sg@moit.gov.vn để được kết nối.

BỘ CÔNG THƯƠNG CÔNG BỐ HẠN NGẠCH XUẤT KHẨU GẠO 400.000 TẤN TRONG THÁNG 4/2020

Ngày 10/4/2020, Văn phòng Chính phủ đã có văn bản số 2827/VPCP-KTTH thông báo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc xuất khẩu gạo trong bối cảnh dịch bệnh và hạn hán, xâm nhập mặn. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 1106/QĐ-BCT ngày 10 tháng 4 năm 2020 công bố hạn ngạch xuất khẩu gạo trong tháng 4 năm 2020. Theo đó, hạn ngạch xuất khẩu đối với mặt hàng gạo (mã HS 10.06) trong tháng 4 năm 2020 là 400.000 tấn. Quyết định này có hiệu lực từ 0 giờ ngày 11 tháng 4 năm 2020.

Quyết định cũng nêu rõ thương nhân đăng ký tờ khai hải quan trước sẽ được trừ vào hạn ngạch xuất khẩu trước. Số lượng trên tờ khai hải quan đã đăng ký sẽ được trừ lùi vào số lượng được xuất khẩu trong tháng 4/2020. Trường hợp tờ khai hải quan không còn giá trị làm thủ tục hoặc số lượng thực xuất ít hơn số lượng đã khai hải quan thì số dư sẽ được cộng trở lại số lượng được phép xuất khẩu trong tháng 4/2020.

Tờ khai hải quan có giá trị làm thủ tục hải quan cho tới khi tổng số lượng đăng ký xuất khẩu của các tờ khai chạm mốc 400.000 tấn, tờ khai hải quan nào có số lượng vượt quá mốc này sẽ không có giá trị làm thủ tục hải quan. Trường hợp tờ khai không còn giá trị làm thủ tục hoặc số lượng thực xuất ít hơn số lượng đã khai hải quan thì số dư sẽ được cộng trở lại số lượng được phép xuất khẩu trong tháng 4/2020.

Đồng thời, chỉ cho phép xuất khẩu gạo qua cửa khẩu quốc tế (đường bộ, đường

sắt, đường biển, đường thủy, đường hàng không).

Quyết định này không áp dụng cho xuất khẩu cung ứng cho tàu biển xuất cảnh để phục vụ cho sinh hoạt của thủy thủ trên tàu. Không áp dụng xuất nhập khẩu tại chỗ hoặc xuất khẩu cho doanh nghiệp chế xuất phục vụ cho sinh hoạt của cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp chế xuất.

Ngoài ra, Bộ Công Thương đã có công văn gửi Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để biết và phối hợp triển khai thực hiện theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.



BỘ CÔNG THƯƠNG HOÀ TỐC XIN Ý KIẾN XUẤT KHẨU GAO NẾP

Ngày 15/4/2020, Bộ Công Thương đã có hàng loạt công văn hỏa tốc, gửi đến các bộ, ngành để làm rõ những ý kiến của các thương nhân về xuất khẩu gạo, đồng thời gấp rút triển khai loạt giải pháp tiếp theo.

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 2827/VPCP-KTTH ngày 10 tháng 4 năm 2020 của Văn phòng Chính phủ về việc xuất khẩu gạo trong bối cảnh dịch bệnh, hạn hán, xâm nhập mặn và văn bản số 2953/VPCP-KTTH nêu trên, Bộ Công Thương đã có các văn bản hỏa tốc số 2666/BCT-XNK ngày 15 tháng 4 năm 2020 gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và số 2681/BCT-

XNK gửi Bộ Tài chính đề nghị cho ý kiến liên quan đến diện tích gieo trồng, sản lượng dự kiến (quy gạo) của gạo nếp tại từng tỉnh Long An và tỉnh An Giang theo từng vụ; lượng gạo dự trữ phục vụ an ninh lương thực quốc gia có bao gồm gạo nếp hay không; tác động, ảnh hưởng của gạo nếp được trồng tại tỉnh Long An và tỉnh An Giang đối với an ninh lương thực quốc gia; đồng thời đề xuất, kiến nghị đối với việc xuất khẩu gạo nếp trong thời gian tới.

Trên cơ sở ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài chính, Bộ Công Thương sẽ kịp thời tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định về vấn đề này.

QUI ĐỊNH NHẬP KHẨU THỰC PHẨM CỦA EU TRONG MÙA DỊCH COVID-19

Liên quan đến thông báo của Ủy ban Sức khỏe và An toàn thực phẩm (DG-SANTE) thuộc Ủy ban Châu Âu liên quan đến chứng thư xuất khẩu thực phẩm sang EU trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19, Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương đã có các văn bản số 287/XNK-NS ngày 23/3/2020 và số 356/XNK-NS ngày 09/4/2020 thông tin đến các địa phương, hiệp hội ngành hàng và doanh nghiệp xuất khẩu nông sản, thực phẩm để biết và có phương án xử lý phù hợp, đáp ứng các quy định nêu trên của phía bạn, tránh gây ảnh hưởng đến tiến độ xuất khẩu. Cụ thể:

Do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp tại EU, để đảm bảo hoạt động xuất khẩu diễn ra thuận lợi, DG-SANTE khuyến cáo sử dụng nền tảng TRACES (<https://webgate.ec.europa.eu/tracesnt/ecas-login>) cho các chứng thư về vệ sinh và kiểm dịch động vật, thực vật đối với các sản phẩm được xuất khẩu sang EU. Đối với các quốc gia không sử dụng TRACES, doanh nghiệp cần đảm

bảo cung cấp chứng thư gốc kèm với các lô hàng trong phương tiện vận chuyển. Trong trường hợp chứng thư gốc không thể gửi kèm lô hàng, DG-SANTE sẽ đề xuất với các Trạm kiểm soát biên giới tại EU chấp nhận các bản sao giấy chứng thư đáp ứng các điều kiện sau:

- Bản scan giấy chứng thư gốc được gửi bằng email, từ hòm thư thuộc Cơ quan có thẩm quyền cấp trung ương của nước sở tại đến hòm thư của Trạm kiểm soát biên giới tại EU của điểm nhập cảnh tại EU, được cung cấp tại các trang thông tin điện tử sau:

(i) Đối với động vật và sản phẩm động vật:

https://ec.europa.eu/food/animals/vet-border-control/bip-contacts_en

(ii) Đối với thực phẩm và thức ăn có nguồn gốc phi động vật:

https://ec.europa.eu/food/safe/official_controls/legislation/imports/non-animal_en



(iii) Đối với cây trồng và sản phẩm thực vật:

https://ec.europa.eu/food/safe/official_controls/legislation/imports/plants_en

Giấy chứng thư gốc được gửi đến Trạm kiểm soát biên giới tại EU sớm nhất có thể về mặt kỹ thuật, khi các hạn chế được đề cập ở trên đã được xem xét hoặc dỡ bỏ đáng kể.

Theo Thông báo số SANTE.DDG2.G.5/HK/2028121 ngày 30/3/2020 của EC, Việt Nam thuộc Danh sách Phụ lục II cần phải thực hiện Quy định số 2019/1973 về việc xuất khẩu các sản phẩm thực phẩm và thức ăn không có nguồn gốc động vật vào thị trường EU cần phải kiểm soát độ nguy cơ nhiễm aflatoxin, tồn dư thuốc trừ sâu, chất pentachlorophenol và dioxin hoặc/ và nguy cơ nhiễm vi sinh vật khác.

Việc áp dụng Quy định số 2019/1973 yêu cầu mỗi lô hàng sản phẩm nêu trên phải có một Giấy chứng nhận chính thức theo mẫu tại Phụ lục IV của Quy định này. Mỗi lô hàng cũng phải có các Giấy chứng nhận kết quả xét nghiệm từ cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu theo quy định tại Điều 10 của Quy định EU 2019/1973. Giấy chứng nhận nêu trên hiện đã được triển khai qua hệ thống điện tử TRACE-NT (<https://web.gate.ec.europa.eu/tracesnt/ecas-login>) và cho phép chứng nhận kiểm dịch đối

với tất cả các sản phẩm động vật và thực vật xuất khẩu vào EU. Hệ thống TRACE-NT cũng cho phép đăng tải lên các kết quả xét nghiệm liên quan trong quá trình thực hiện chứng nhận. Người khai báo qua hệ thống TRACE-NT phải đăng ký tài khoản thông qua hệ thống xác nhận người dùng của Hội đồng Châu Âu, còn gọi là "EU login" (hiện có khoảng 42.000 tài khoản đã được đăng ký cho các thành viên thương mại hoặc các cơ quan chức năng trên thế giới). Việc khai báo TRACE-NT cần biến đổi tương thích cho mỗi quy trình hành chính khác nhau của các nước khác nhau.

Đối với đối tác đã sử dụng hệ thống TRACE-NT cho việc xuất khẩu các sản phẩm khác, hiện muốn tiếp tục sử dụng để chứng nhận cho việc xuất khẩu các sản phẩm thực phẩm và thức ăn không có nguồn gốc động vật (thuộc Danh sách Phụ lục II) cần kiểm tra kỹ lưỡng về việc có cần thiết phải thay đổi thông tin về cơ quan chức năng liên quan hay không, và sau đó thông báo lại cho bộ phận thường trực của hệ thống TRACE (địa chỉ email: sante-trace@ec.europa.eu). Đối với trường hợp khai báo lần đầu cho việc xuất khẩu thực phẩm và thức ăn không có nguồn gốc động vật (thuộc Danh sách Phụ lục II), cần phải liên hệ với bộ phận thường trực của hệ thống TRACE để xác nhận cơ quan chức năng liên quan và được chứng nhận bởi cơ quan đó.

ĐẠI DỊCH COVID-19 TÁC ĐỘNG TỚI HẦU HẾT CÁC MẶT HÀNG NÔNG SẢN

Giá nông sản thế giới trong nửa đầu tháng 4/2020 tiếp tục biến động theo diễn biến của đại dịch Covid-19.

Tại Mỹ, giá đậu tương đã hồi phục trong nửa đầu tháng 4/2020 ngay cả khi giá vẫn chịu áp lực giảm trong bối cảnh dịch Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp. Giá đậu tương kỳ hạn tháng 5/2020 trên sàn Chicago tăng 1,1% so với nửa cuối tháng 3/2020, lên mức 855,5 UScent/bushel.

Trái lại, giá ngô trên sàn Chicago giảm xuống mức gần mức thấp nhất 3,5 năm, đạt 332,3 UScent/bushel theo xu hướng thị trường dầu thô. Hơn 1/3 lượng ngô của Mỹ để sản xuất nhiên liệu sinh học ethanol.



Trong nửa đầu tháng 4/2020, giá cà phê tiếp tục biến động trái chiều khi giá cà phê Robusta giảm 6,3% trong khi cà phê Arabica tăng 8,7% do khó khăn trong việc vận chuyển. Sự lây lan của Covid-19 đặt ra thách thức lớn cho ngành cà phê toàn cầu, vốn đã trải qua thời gian khó khăn với giá thấp kỷ lục.

Theo kết quả của nghiên cứu của Hiệp hội cà phê quốc tế (ICO) nếu tăng trưởng GDP toàn cầu giảm 1% sẽ khiến tiêu thụ cà phê giảm 0,95%, tương đương 1,6 triệu bao (60 kg). Sự suy giảm kinh tế toàn cầu do dịch Covid-19 cũng tác động đáng kể đối với nhu cầu cà phê. Thu nhập hộ gia đình giảm có thể khiến nhu cầu cà phê

thấp hơn. Ngoài ra, người tiêu dùng nhạy cảm về giá có thể thay thế cà phê có giá trị cao bằng các loại đồ uống có giá trị thấp hơn.

Giá cao su tại Nhật Bản giảm 3,3% trong nửa đầu tháng 4/2020 do lo ngại nhu cầu cao su suy giảm mạnh trước tác động của dịch Covid-19. Theo Hiệp hội các nước sản xuất cao su tự nhiên (ANRPC), nhu cầu toàn cầu dự báo sẽ giảm 8.2% trong tháng 4/2020. Con số được đưa ra chưa tính đến khả năng nhu cầu được điều chỉnh giảm ở Ấn Độ, Thái Lan, Malaysia, Indonesia và Việt Nam.

Trong khi đó, giá gạo Thái Lan tăng lên mức cao nhất trong 7 năm sau khi Ấn Độ triển khai phong tỏa toàn quốc để kiểm soát sự lây lan của dịch Covid-19, còn Việt Nam tạm thời ngừng ký hợp đồng xuất khẩu mới từ cuối tháng 3 để rà soát lại nguồn cung. Giá gạo trắng 5% tấm của Thái Lan đã tăng mạnh 60-65 USD/tấn trong nửa đầu tháng 4/2020, lên mức 560 - 570 USD/tấn - mức cao nhất kể từ tháng 4/2013. Nhưng ngay cả khi dự báo nhu cầu sẽ tăng đối với gạo Thái Lan, các thương nhân và nhà xuất khẩu gạo nước này vẫn lo ngại giá tăng quá cao có thể làm giảm động lực nhập khẩu của các khách hàng thường xuyên.

Tại Ấn Độ, các nhà xuất khẩu gạo Ấn Độ không đưa ra giá chào bán gạo sau khi Thủ tướng Ấn Độ ban hành lệnh phong tỏa toàn quốc vào ngày 24/3 để bảo vệ 1,3 tỷ người dân Ấn Độ khỏi sự lây lan của dịch Covid-19. Giá gạo đỏ 5% tấm của Ấn Độ được chào bán trong tuần trước đó ở mức 361 - 365 USD/tấn, mức thấp nhất trong 3 tháng. Các nhà kinh doanh gạo Ấn Độ đã dừng ký hợp đồng xuất khẩu mới trong bối cảnh cả nước đóng cửa để hạn chế sự lây lan của dịch bệnh.

Tham khảo giá một số nông sản thế giới đến ngày 15/4/2020

Hàng hóa	ĐVT	Ngày 15/4/2020	So với ngày 28/3/2020 (%)	So với ngày 13/01/2020 (%)	So với ngày 01/01/2019 (%)
Ngô CBOT	UScent/bushel	332,3	-8,7	-14,6	-11,6
Lúa mì CBOT	UScent/bushel	549,8	9,8	-0,6	8,2
Lúa mạch	UScent/bushel	277,3	1,5	-2,9	-0,4
Đậu tương	UScent/bushel	855,5	1,1	-9,7	-5,6
Khô đậu tương	USD/tấn	293,1	-2,6	-3,6	-6,0
Dầu đậu tương	UScent/bushel	27,2	5,7	-22,3	-3,8
Hạt cải	CAD/tấn	463,7	3,0	-3,3	-4,6
Ca cao	USD/tấn	2.288,0	-8,3	-4,9	-5,0
Đường thô	UScent/lb	10,3	-11,8	-23,7	-13,7
Nước cam	UScent/lb	108,3	11,8	8,4	-11,9
Cà phê Robusta	USD/tấn	1.192,0	-6,3	-8,4	-22,0
Cà phê Arabica	UScent/lb	118,4	8,7	-7,2	13,7
Gỗ xẻ	USD/1000 board feet	331,9	0,3	-21,4	-0,9
Gạo đỏ 5% tấm Ấn Độ	USD/tấn	365,0	-0,5	0,0	-4,9
Gạo trắng 5% tấm Thái Lan	USD/tấn	495,0	0,0	13,8	26,9
Cao su Tocom	JPY/kg	152,0	-3,3	-23,4	-9,6

Nguồn: Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại tổng hợp

NHU CẦU NHẬP KHẨU RAU QUẢ, THỦY SẢN CỦA THỤY ĐIỂN VẪN RẤT LỚN

Theo cơ quan Thống kê châu Âu (Eurostat), nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản (gọi tắt là hàng nông sản) vào Thụy Điển tăng đáng kể trong những năm gần đây, đặc biệt, trong 2 năm 2018 và 2019, nhập khẩu nhóm hàng này vào thị trường Thụy Điển đạt trên 16 tỷ USD, trong đó, năm 2019 đạt 16,4 tỷ USD, giảm 0,6% so với năm 2018.

Trong tổng trị giá nhập khẩu hàng nông sản vào Thụy Điển năm 2019, chiếm 58% trong đó là hàng hóa xuất xứ từ các thị trường nội khối EU, còn lại là thị trường ngoại khối chiếm 42%.

Trong khối EU, Thụy Điển nhập khẩu hàng nông, thủy sản chủ yếu từ các thị trường Đan Mạch (chiếm 17,9% thị phần), Hà Lan (chiếm 17,8%) và Đức (chiếm 15,8%).

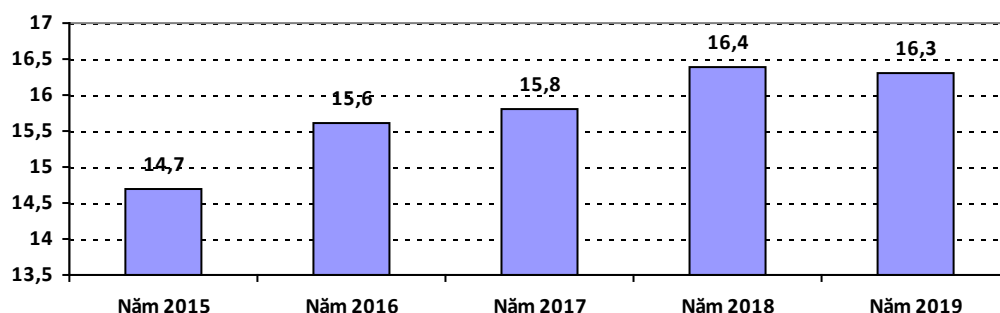
Đối với thị trường ngoại khối, Thụy Điển nhập khẩu hàng nông sản chủ yếu từ thị trường Na Uy, chiếm 73,2% thị phần,

ngoài ra, các thị trường Anh, Trung Quốc, Mỹ và Braxin chiếm thị phần lần lượt là 3,4%, 3,1%, 2% và 2%.

Việt Nam là nguồn cung thứ 10 trong các thị trường ngoại khối cung cấp hàng nông sản vào Thụy Điển, với thị phần chưa đến 1%. Hiện một số mặt hàng của Việt Nam có thị phần lớn tại Thụy Điển là hạt điều đã bóc vỏ (HS 080132) chiếm 41,1% thị phần; tiếp đến là mặt hàng hạt tiêu đã xay hoặc nghiền (HS 090412) chiếm 30,4%, tuy vậy, thị phần hạt tiêu đã xay hoặc nghiền nhập khẩu từ Việt Nam vào Thụy Điển có xu hướng giảm trong 3 năm gần đây, giảm từ mức 47,8% năm 2017, thay vào đó, nước này đang có nhu cầu tăng đối với hạt tiêu chưa xay hoặc nghiền, chiếm 4,9% năm 2019 từ mức 4,66% năm 2017; ngoài ra, mặt hàng cao su tự nhiên ở dạng tấm, lá, dải (HS 4001) của Việt Nam cũng đang có thị phần tăng tại Thụy Điển, chiếm 24,3% năm 2019, tăng từ mức 12,3% năm 2017.

Trị giá nhập khẩu hàng nông sản vào Thụy Điển giai đoạn năm 2015-2019

(Đvt: tỷ USD)



Nguồn: Cơ quan Thống kê châu Âu

Theo Eurostat, Thụy Điển nhập khẩu chủ yếu thủy sản chưa qua chế biến (HS03), chiếm 29,5% tổng trị giá nhập khẩu hàng nông sản, tiếp đến là gỗ và các mặt hàng gỗ khác (HS44) chiếm 13,8%. Đáng chú ý, nhập khẩu hai mặt hàng này vào Thụy Điển tăng cao trong 2 năm gần đây, trong đó nhập khẩu mặt hàng mã HS03 lên đến 4,87 tỷ USD năm 2018 và 4,8 tỷ USD năm 2019; nhập khẩu mặt

hàng mã HS44 đạt 2,35 tỷ USD năm 2018 và 2,25 tỷ USD năm 2019.

Ở chiều ngược lại, Thụy Điển có xu hướng giảm nhập khẩu các mặt hàng có mã HS09, đặc biệt là mặt hàng hạt tiêu; các mặt hàng cao su (HS40) và các sản phẩm có nguồn gốc động vật, chưa được chi tiết hoặc ghi ở các chương khác (HS05).

Các mặt hàng nông sản nhập khẩu vào Thụy Điển giai đoạn năm 2017-2019

Mặt hàng		Thụy Điển nhập khẩu từ thế giới (Đvt: triệu USD)			Thị phần hàng hóa Việt Nam tại Thụy Điển (%)		
		Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Mã HS	Diễn giải	15.753	16.425	16.259	0,37	0,38	0,36
03	Cá và động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác	4.487	4.875	4.803	0,25	0,25	0,20
44	Gỗ và các mặt hàng bằng gỗ; than củi	1.966	2.352	2.248	0,28	0,29	0,34
04	Sữa và các sản phẩm từ sữa; trứng chim và trứng gia cầm; mật ong tự nhiên; sản phẩm ăn được gốc động vật, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác	1.121	1.118	1.124			
02	Thịt và phụ phẩm dạng thịt ăn được sau giết mổ	1.179	1.124	1.062			
08	Quả và quả hạch ăn được; vỏ quả thuộc chi cam quýt hoặc các loại dưa	1.143	1.106	1.041	0,98	1,17	1,06
0901	Hạt điều	26,44	27,48	25,47	40,69	45,64	40,92
21	Các sản phẩm chế biến ăn được khác	826	872	916	0,04	0,04	0,04
20	Sản phẩm chế biến từ rau, quả, hạt và các phần khác của cây	801	798	803	0,09	0,36	0,39
07	Rau và một số loại củ, thân củ, rễ ăn được	767	755	782	0,02	0,01	0,01
16	Các sản phẩm chế biến từ thịt, cá, động vật giáp xác hay động vật thân mềm, hoặc động vật không xương sống sống dưới nước khác	674	717	707	0,52	0,55	0,62
1604 + 1605	Thủy sản chế biến	334	370	364	1,06	1,06	1,20
09	Cà phê, chè và các loại gia vị	624	525	525	1,60	1,70	1,50
	Trong đó:						

Mặt hàng		Thụy Điển nhập khẩu từ thế giới (Đvt: triệu USD)			Thị phần hàng hóa Việt Nam tại Thụy Điển (%)		
		Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Mã HS	Diễn giải	15.753	16.425	16.259	0,37	0,38	0,36
0901	Cà phê	488	394	393	1,10	1,53	1,30
0902+0903	Chè	37,44	36,68	35,15	0,000	0,201	0,172
0904	Hạt tiêu	19,2	14,6	13,2	21,33	16,44	14,32
18	Cacao và các sản phẩm chế biến từ cacao	475	469	500	0,006	0,004	0,007
06	Cây sống và các loại cây trồng khác; củ, rễ và các loại tương tự; cành hoa rời và các loại cành lá trang trí	383	400	414			
10	Ngũ cốc	148	212	247	0,03	0,03	0,41
	Trong đó: Gạo (HS: 1006)	67,4	73,0	91,3	0,07	0,09	1,11
12	Hạt và quả có dầu; các loại ngũ cốc, hạt và quả khác; cây công nghiệp hoặc cây dược liệu; rơm rạ và cây làm thức ăn gia súc	200	214	213	0,017	0,001	0,003
11	Các sản phẩm xay xát; malt; tinh bột; inulin; gluten lúa mì	87	89	95	0,03	0,07	0,05
40	Cao su	146	135	127	1,24	2,19	2,29
01	Động vật sống	31,43	32,51	43,59	0,004		
05	Các sản phẩm gốc động vật, chưa được chi tiết hoặc ghi ở các chương khác	87,37	41,74	37,55		0,001	
13	Nhựa cánh kiến đỏ; gôm, nhựa cây, các chất nhựa và các chất chiết suất từ thực vật khác	20,42	22,85	25,56		0,004	

Nguồn: Cơ quan thống kê châu Âu

Thụy Điển là quốc gia phát triển, chính trị ổn định, người dân có mức sống cao. Thụy Điển có những tập đoàn bán lẻ hoạt động khắp thế giới ở nhiều lĩnh vực như thực phẩm, đồ gia dụng, thủ công, mỹ nghệ. Hàng năm, người tiêu dùng Thụy Điển chi khoảng 16% ngân sách hộ gia đình cho thực phẩm và đồ uống, trong đó 70% tiêu trong các cửa hàng thực phẩm và 30% tiêu trong nhà hàng.

Trong lĩnh vực nông nghiệp, do Thụy Điển có diện tích đất nông nghiệp hạn chế nên phải nhập khẩu phần lớn nông sản như gạo, chè, cà phê, ca cao, một số loại rau, quả, hải sản... Trong đó, chiếm 90% lượng thực phẩm tiêu thụ tại Thụy Điển là thực phẩm chế biến, 10% thực phẩm chưa chế biến gồm trái cây và rau tươi, thịt tươi, cá tươi và trứng.

Ngoài ra, xu hướng gần đây cho thấy, người tiêu dùng Thụy Điển thích thưởng thức các thực phẩm với hương vị mới nên đã tăng nhu cầu nhập khẩu các sản phẩm đặc trưng của các nước trên khắp thế giới và các loại trái cây và rau không phổ biến. Theo đó, một số mặt hàng nông sản, thực phẩm nhập khẩu chính của Thụy Điển là rau, cà chua, trái cây, thủy sản,...

Cơ hội cho hàng nông sản Việt Nam

Từ những yếu tố trên có thể thấy, nhu cầu hàng nông sản tại Thụy Điển hàng năm rất lớn, đặc biệt là các sản phẩm thực phẩm chế biến, các loại rau, trái cây, thủy sản...đây lại là những mặt hàng thế mạnh của Việt Nam. Do đó cơ hội xuất khẩu hàng nông sản Việt Nam sang thị trường Thụy Điển vẫn rất lớn.

Đặc biệt, Hiệp định Thương mại Tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA), trong đó có Thụy Điển, đã được thông qua và dự kiến có hiệu lực từ nửa cuối năm 2020 sẽ mang lại tác động tích cực cho cả hai nước, tiếp tục thúc đẩy quan hệ thương mại Việt Nam-Thụy Điển.

Mặc dù vậy, Thụy Điển là một thành viên của EU, do đó, hàng hóa muốn đạt tiêu chuẩn của Thụy Điển, trước hết phải đạt tiêu chuẩn EU. Các doanh nghiệp muốn bán hàng vào các siêu thị ở Thụy Điển, phải sản xuất được hàng thành phẩm có chất lượng cao, bao gói theo yêu cầu của các tập đoàn phân phối (siêu thị); phải đảm bảo cung cấp hàng đều đặn và ổn định về số lượng và chất lượng với giá cạnh tranh...

► Trong bối cảnh đại dịch Covid-19, đã có 15 doanh nghiệp chăn nuôi lớn, bao gồm CP Việt Nam, Mavin Group, CJ Vina, Dabaco, Japfa Comfeed và Emivest, đồng loạt giảm giá lợn sống xuống còn 70.000 – 75.000 đ/kg từ ngày 1/4. Một số công ty thậm chí giảm xuống còn 65.000 – 67.000 đ/kg. Tuy nhiên, tổng quy mô lợn giết mổ bởi các doanh nghiệp này chỉ chiếm 35 – 40% tổng nguồn cung, phần còn lại đến từ các hộ và trang trại chăn nuôi với giá từ 73.000 – 78.000 đ/kg, tác động tới giá thịt lợn nói chung trên thị trường. Do đó, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn yêu cầu lãnh đạo các địa phương tuân thủ chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về các giải pháp bình ổn giá lợn, đề nghị các địa phương rà soát và kiểm soát giá bán lợn sống và giá thịt lợn tại các địa phương. Tất cả hộ và trang trại chăn nuôi cần hợp tác với 15 công ty nói trên để giảm giá xuống còn 70.000 đ/kg, tiến đến mức giá 65.000 đ/kg và 60.000 đ/kg, thậm chí thấp hơn.



► Theo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kiên Giang, từ đầu vụ đến nay, diện tích nuôi tôm bị thiệt hại trên địa bàn tỉnh là hơn 4.240 ha tại 28 xã, thị trấn thuộc 8/9 huyện, thành phố có nuôi tôm nước lợ; trong đó, thiệt hại do tôm bị sốc môi trường 3.834 ha, diện tích còn lại do dịch bệnh gây hại.

► Nhật Bản đã quyết định dỡ lệnh kiểm tra bắt buộc đối với tôm sú Ấn Độ sau khi các lô hàng tôm từ nước này không bị phát hiện thấy dư lượng thuốc kháng sinh tổng hợp furazolidone. Đồng thời, Nhật Bản cũng giảm tỷ lệ kiểm tra mẫu nhập khẩu tôm sú từ 100% xuống còn 30%. Lệnh này ban hành theo khoản 3, điều 26 Nhật Bản là thị trường chiếm 40% tổng kim ngạch xuất khẩu tôm sú của Ấn Độ.

► Bộ Thương mại Thái Lan hợp tác với Bộ Nông nghiệp nước này để điều chỉnh kế hoạch quản lý ngành trái cây, tập trung vào thị trường nội địa để bù đắp xuất khẩu đang chịu thiệt hại nặng nề bởi đại dịch Covid-19. Chính phủ Thái Lan cũng trợ cấp 3% lãi vay trong 10 tháng cho các nhà thu mua trái cây cho thị trường nội địa và 3% trong 6 tháng cho các nhà thu mua trái cây cho xuất khẩu. Ngoài ra, Chính phủ muốn triển khai trợ cấp chi phí 3 Baht/kg thu hoạch trái cây cho các nhà thu mua trái cây cho xuất khẩu. Liên quan đến các tiêu chuẩn an toàn, Chính phủ đặt mục tiêu thành lập Thỏa thuận Công nhận Tương đương về an toàn thực phẩm cho trái cây, đặc biệt là giữa Thái Lan và Trung Quốc.

► Theo trang Cogencis, nhập khẩu hạt tiêu đen của Ấn Độ đã giảm hơn 33% trong tháng 2/2020 xuống còn 1.282 tấn do giá hạt tiêu nội địa thấp hơn giá toàn cầu, khiến nhập khẩu nước này chững lại. Trong tháng 2/2020, Ấn Độ đã nhập khẩu hạt tiêu từ Việt Nam, Braxin, Sri Lanka và Ecuador. Hạt tiêu chủ yếu được nhập khẩu để sản xuất các mặt hàng giá trị gia tăng như dầu và oleoresin. Năm nay, sản lượng hồ tiêu của Ấn Độ có thể sẽ tăng từ 45.000 tấn trong năm 2019 lên 65.000 tấn.